

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Liên bộ Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01 tháng 7 năm 2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, như sau:

1. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Chức danh (cấp xã có 17 chức danh):

a1) Khối Đảng:

- Phó Trưởng ban Tuyên giáo;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- Phó Trưởng ban Dân vận.

a2) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

a3) Các tổ chức xã hội:

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

- Chủ tịch Hội Đông y.

a4) Chính quyền:

- Phó Công an (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy);

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;

- Công an viên (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy);

- Lực lượng Quân sự;

- Thủ quỹ, văn thư - lưu trữ;

- Quản lý thiết chế văn hóa (áp dụng đối với những xã, thị trấn có nhà văn hóa).

b) Số lượng

b1) Cấp xã loại 1: Bố trí không quá 22 người (kể cả cán bộ, công chức tăng cường). Trong đó các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bố trí 02 người (01 chuyên trách và 01 kiêm nhiệm Chủ tịch Hội Người cao tuổi); Phó Công an bố trí 02 người; Phó Chỉ huy trưởng Quân sự bố trí 02 người; Công an viên bố trí 04 người. Các chức danh còn lại bố trí 01 người. Riêng 02 chức danh (Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ và Chủ tịch Hội Đông y) bố trí 01 người.

b2) Cấp xã loại 2: Bố trí không quá 20 người (kể cả cán bộ, công chức tăng cường). Trong đó các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bố trí 02 người (01 chuyên trách và 01 kiêm nhiệm Chủ tịch Hội Người cao tuổi); Phó Công an bố trí 02 người; Phó Chỉ huy trưởng Quân sự bố trí 02 người; Công an viên bố trí 04 người. Các chức danh còn lại bố trí 01 người. Riêng 02 chức danh (Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ và Chủ tịch Hội Đông y) bố trí 01 người.

b3) Cấp xã loại 3: Bố trí không quá 19 người (kể cả cán bộ, công chức tăng cường). Trong đó các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bố trí 02 người (01 chuyên trách và 01 kiêm nhiệm Chủ tịch Hội Người cao tuổi); lực lượng quân sự bố trí 02 người; Công an viên bố trí 03 người. Các chức danh còn lại bố trí 01 người. Riêng 02 chức danh (Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ và Chủ tịch Hội Đông y) bố trí 01 người.

c) Mức phụ cấp (được tính theo hệ số mức lương cơ sở):

c1) Các chức danh cấp Trưởng, cấp Phó quy định tại Điểm a, Khoản 1:

- Chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Hệ số 1,00;

- Có trình độ sơ cấp: Hệ số 1,20;

- Có trình độ trung cấp: Hệ số 1,50;

- Có trình độ cao đẳng: Hệ số 1,70;
- Có trình độ đại học: Hệ số 1,90.

c2) Các chức danh còn lại quy định tại Điều a, Khoản 1:

- Chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Hệ số 0,90;
- Có trình độ sơ cấp: Hệ số 1,10;
- Có trình độ trung cấp: Hệ số 1,40;
- Có trình độ cao đẳng: Hệ số 1,60;
- Có trình độ đại học: Hệ số 1,80.

d) Mức phụ cấp kiêm nhiệm: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Điều a, Khoản 1 thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm thêm 20% mức phụ cấp hiện hưởng.

đ) Mức phụ cấp và mức phụ cấp kiêm nhiệm quy định tại các Điều c, d, Khoản 1 được đảm bảo chi từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

2. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở khóm, ấp

a) Chức danh (khóm có 04 chức danh; ấp có 05 chức danh):

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng khóm, ấp;
- Phó Trưởng khóm, ấp;
- Quân sự;
- Công an viên (đối với ấp);

b) Số lượng: Khóm, ấp bố trí không quá 03 người (được hưởng phụ cấp hàng tháng).

c) Mức phụ cấp (được tính theo hệ số mức lương cơ sở):

c1) Đối với khóm

- Bí thư Chi bộ: Chuyên trách - hệ số 0,8; kiêm nhiệm Trưởng khóm - hệ số 1,1; kiêm nhiệm quân sự - hệ số 1,0;
- Trưởng khóm: Chuyên trách - hệ số 0,8; kiêm nhiệm quân sự - hệ số 1,0;
- Phó Trưởng khóm: Chuyên trách - hệ số 0,6; kiêm nhiệm quân sự - hệ số 0,8;
- Quân sự chuyên trách - hệ số 0,6.

c2) Đối với ấp

- Bí thư Chi bộ: Chuyên trách - hệ số 0,8; kiêm nhiệm Trưởng ấp - hệ số 1,1; kiêm nhiệm quân sự - hệ số 1,0.

- Trưởng áp: Chuyên trách - hệ số 0,8; kiêm nhiệm quân sự hoặc công an - hệ số 1,0.

- Phó Trưởng áp: Chuyên trách - hệ số 0,6; kiêm nhiệm quân sự hoặc công an - hệ số 0,8.

- Công an và quân sự chuyên trách - hệ số 0,6.

d) Mức phụ cấp quy định tại Điểm c, Khoản 2 được đảm bảo chi từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

3. Về chế độ, chính sách

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khóm, ấp theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều này được ngân sách Nhà nước (ngân sách cấp tỉnh) hỗ trợ đóng 2/3 bảo hiểm y tế, cá nhân đóng 1/3 bảo hiểm y tế theo mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện do Nhà nước quy định tại thời điểm khi tham gia.

4. Mức khoán kinh phí hoạt động

a) Mức khoán kinh phí hoạt động cho mỗi tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Cựu Chiến Binh, Phụ nữ, Nông dân):

- Cấp xã loại 1: 12.000.000 đồng/năm (Mười hai triệu).

- Cấp xã loại 2: 10.800.000 đồng/năm (Mười triệu tám trăm nghìn).

- Cấp xã loại 3: 9.600.000 đồng/năm (Chín triệu sáu trăm nghìn).

b) Mức khoán kinh phí hoạt động tối thiểu cho mỗi tổ chức xã hội ở cấp xã (bao gồm các Hội: Người cao tuổi, Chữ Thập Đỏ và Đông y):

- Cấp xã loại 1: 6.000.000 đồng/năm (Sáu triệu).

- Cấp xã loại 2: 5.400.000 đồng/năm (Năm triệu bốn trăm nghìn).

- Cấp xã loại 3: 4.800.000 đồng/năm (Bốn triệu tám trăm nghìn).

c) Mức khoán kinh phí hoạt động cho mỗi khóm, ấp là 56.400.000 đồng/năm (Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn). Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể kinh phí hoạt động cho các chức danh quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này và cho mỗi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác (nếu có).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Thay thế Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí chi trả phụ

cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh “về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2011 tỉnh Bạc Liêu; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hiệp y nâng mức trợ cấp tiền hoạt động cho mỗi khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ tám thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBTVQH (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - BTP (kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban TT.UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp (rà soát);
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CB - TH (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Dũng